

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm sau khi IMF cho biết kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng chậm lại và áp lực lạm phát từ nay đến cuối năm sẽ gia tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

VCI, VGC

[Cập nhật công ty]

NVL

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu

13/05/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,182.77	-4.53
VN30	1,223.76	-4.38
HĐTL VN30F1M	1,225.00	-3.54
HNXIndex	302.39	-4.16
HNX30	506.98	-5.44
UPCoM	93.61	-2.93
USD/VND	23,095	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.27	+2
Lãi suất qua đêm (%)	1.74	-2
Dầu (WTI, \$)	106.64	+0.48
Vàng (LME, \$)	1,822.38	+0.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,182.77 (-4.53%)
KLGD (triệu CP) 817.0 (+68.2%)
GTGD (triệu US\$) 881.8 (+29.0%)

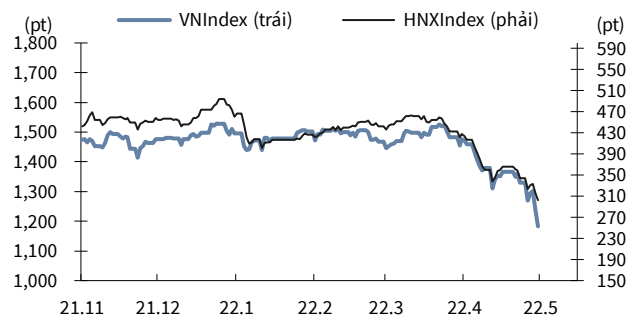
HNXIndex 302.39 (-4.16%)
KLGD (triệu CP) 108.3 (+46.4%)
GTGD (triệu US\$) 82.8 (+24.2%)

UPCoM 93.61 (-2.93%)
KLGD (triệu CP) 79.0 (+121.5%)
GTGD (triệu US\$) 33.7 (+52.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +24.8

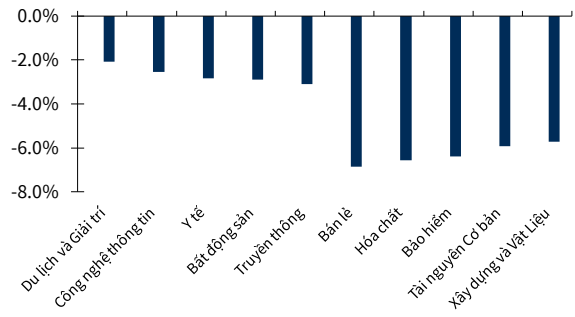
TTCK giảm điểm sau khi IMF cho biết kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng chậm lại và áp lực lạm phát từ nay đến cuối năm sẽ gia tăng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4, Việt Nam xuất khẩu 78,330 tấn cao su, trị giá 141.4 triệu USD, giảm 30.3% về lượng và giảm 30.2% về trị giá so với tháng 3, giá cổ phiếu ngành cao su giảm ở DPR (-2%), TRC (-1.4%), TNC (-6.8%). Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cho biết một lệnh cấm đang chờ xử lý của Liên minh châu Âu (EU) đối với dầu từ Nga, được cho là sẽ thắt chặt hơn nữa nguồn cung toàn cầu, giá dầu tăng trở lại, cổ phiếu dầu khí tăng ở PVS (+2.7%). Khối ngoại mua ròng ở FUEVFVND (-2.3%), VNM (-0.6%), CTG (-4.4%).

VNIndex & HNXIndex



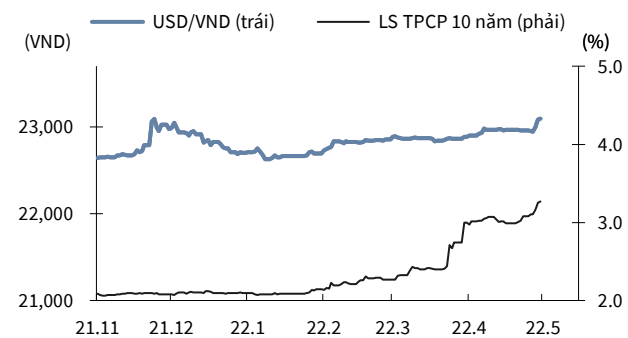
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



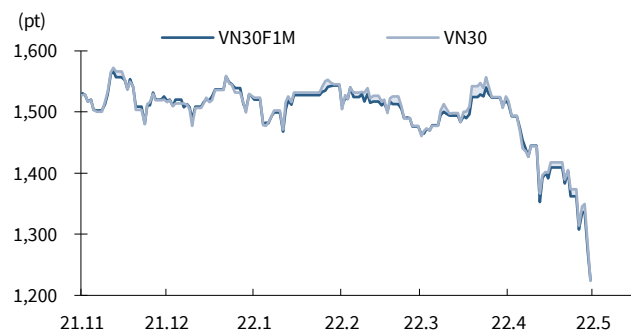
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,223.76 (-4.38%)
VN30F1M	1,225.0 (-3.54%)
Mở cửa	1,272.0
Cao nhất	1,288.1
Thấp nhất	1,214.7
KLGD (HĐ)	440,455 (+26.5%)

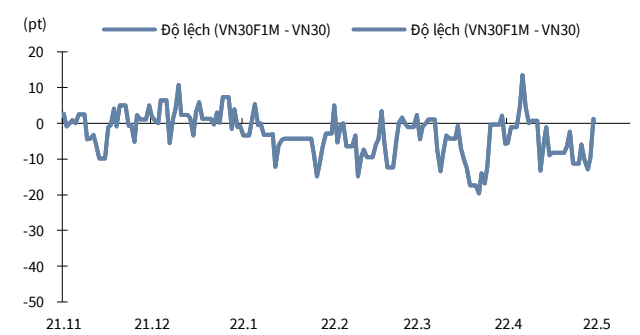
Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2205 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -2.96 điểm sau đó tăng dần và biến động mạnh trong khoảng -4.7 đến 9.41 điểm trước khi đóng cửa tại mức 1.24 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30



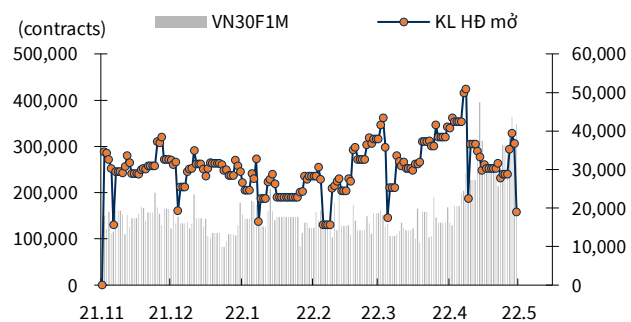
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



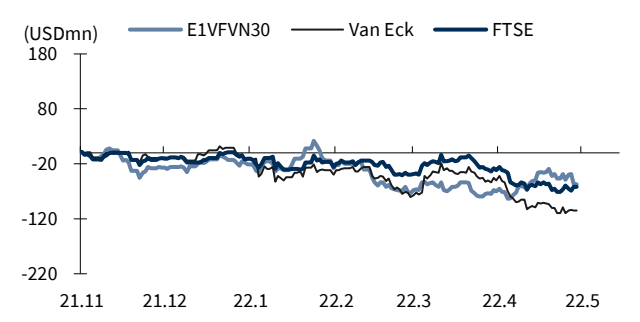
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

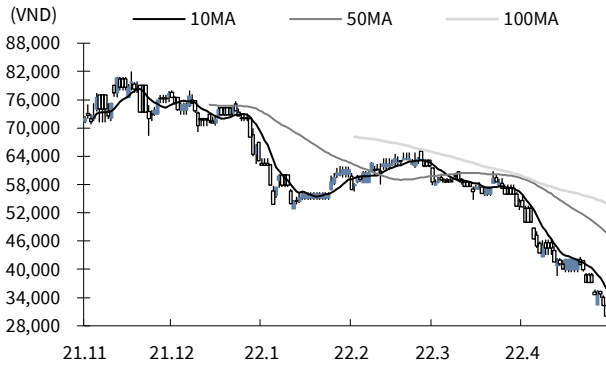
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Chứng khoán Bản Việt (VCI)

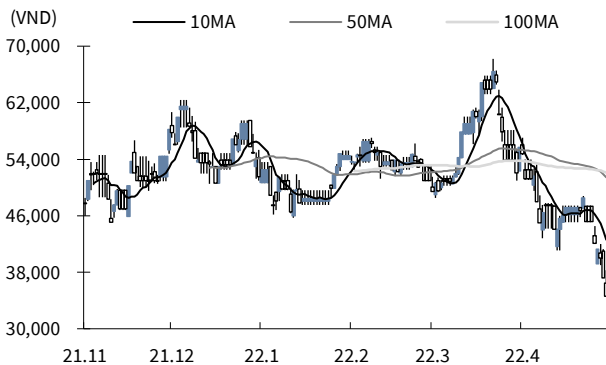


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCI giảm 7% xuống 30,500 VND/cp

- Chứng khoán Bản Việt vừa công bố ký thành công hợp đồng vay vốn với hạn mức 100 triệu USD (tương đương 2,300 tỷ đồng). Khoản vay hợp vốn từ nhóm các ngân hàng hàng nước ngoài được đứng đầu thu xếp bởi Mega International Commercial Bank (Megabank) thông qua chi nhánh Offshore Banking. Khoản vay có mức lãi suất ngắn hạn theo thị trường tiền tệ quốc tế.
- VCI cho biết việc mở rộng các khoản vay từ nước ngoài với số vốn lớn và chi phí vốn cạnh tranh sẽ giúp VCSC có thêm nguồn lực để đẩy mạnh các mảng kinh doanh.

Tổng Công ty Viglacera (VGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC giảm 7% xuống 34,600 VND/cp

- Tổng Công ty Viglacera sẽ chốt quyền trả cổ tức năm ngoài bằng tiền. Tỷ lệ 15%, tương đương một cổ phiếu được nhận 1,500 đồng. Thời gian thanh toán là 9/6 với 448.35 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Viglacera dự kiến chia khoảng 672,5 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 18/5/2022.

13/05/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Novaland (NVL)

Lợi nhuận ròng Quý 1 tăng 101%YoY

Lợi nhuận quý 1/2022 tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư.

- Doanh thu trong quý 1/2022 đạt 1,956 tỷ VND (-57% YoY) trong đó doanh thu từ chuyển nhượng BĐS trong quý đạt 1,542 tỷ VND (-63%YoY) đến từ bàn giao các căn hộ tại dự án *Novaworld Phan Thiết, Hồ Tràm, NovaHills Mũi Né, Soho Residence, Victoria Village và Aqua City*.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 1,079 tỷ VND (+101% YoY). Lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ nhờ khoản lãi 1,269 tỷ VND từ đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley.
- Biên lợi nhuận gộp đạt 37%, giảm nhẹ so với mức 38% của cùng kì năm 2021.
- Hoạt động bán hàng trong quý 1 tăng trưởng tốt khi NVL đã bán được 1,732 sản phẩm (-5%YoY) tương đương với tổng giá trị hợp đồng đạt khoảng 28 nghìn tỷ VND (+62%YoY).

Kế hoạch năm 2022

- Tại Đại hội cổ đông 2022, Công ty đã thông qua kế hoạch doanh thu năm 2022 đạt khoảng 36 nghìn tỷ VND (141%YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 6.5 nghìn tỷ VND (88%YoY). Doanh thu trong năm 2022 đến từ các dự án *Novaworld Hồ Tràm, Novaworld Phan Thiết, Aqua City* và một vài dự án chung cư trong nội thành TP HCM.
- Trong quý 3/2022, Novaland sẽ mở bán dự án *Grand Sentosa* tại Nhà Bè, TP HCM (trước là dự án Kenton Node) và phân khu Long Island (30ha) tại dự án *Novaworld Hồ Tràm*. Trong nửa cuối năm 2022, công ty cũng dự kiến giới thiệu dự án mới tại khu vực Cao Nguyên và Bình Thuận.
- Tổng giá trị hợp đồng bán hàng trong năm ước tính đạt khoảng 140 nghìn tỷ VND (+67%YoY) từ 15,000 sản phẩm. Chúng tôi đánh giá, đây là con số khá tham vọng trong bối cảnh tín dụng vào lĩnh vực BĐS đang bị hạn chế và các vấn đề về pháp lý tại TP HCM còn nhiều vướng mắc.

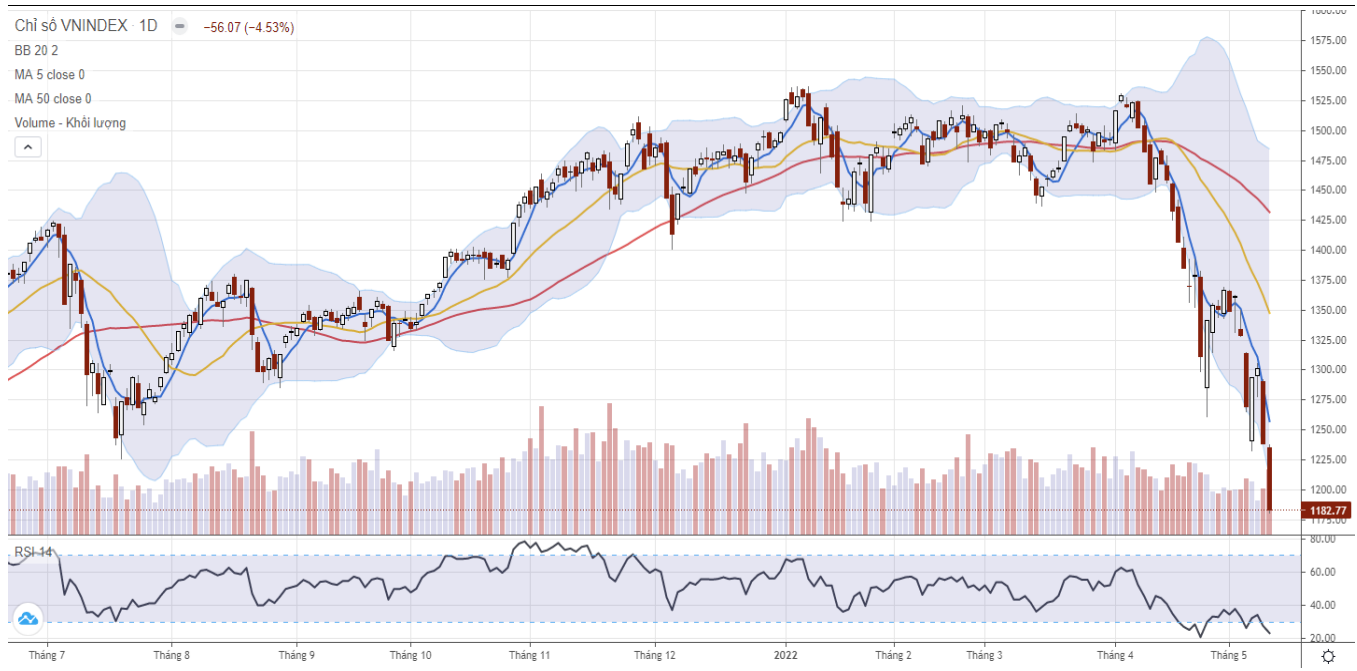
Tỷ lệ nợ vay đáng lưu ý

- Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH tính đến cuối quý 1/2022 là 1.2 lần hiện đang ở mức cao so với các doanh nghiệp BĐS. Cơ cấu nợ vay của NVL bao gồm 54% từ trái phiếu, 10% từ trái phiếu chuyển đổi và 36% từ các khoản vay. Tỷ lệ nợ phải trả trong 2 năm tới là 68.8%. Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, NVL sẽ đảm bảo khả năng thanh toán nhờ (1) Dòng tiền thu được từ khách hàng trong năm 2022 đạt khoảng 35 nghìn tỷ VND, trong đó 19 nghìn tỷ đến từ các dự án cũ và 16k đến từ các dự án mới. Trong quý 1/2022, NVL đã thu được 9 nghìn tỷ; và (2) NVL được chấp thuận phát hành trái phiếu chuyển đổi 250 triệu USD.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm mạnh với biên độ mở rộng đến cuối phiên.
- Áp lực bán giải chấp kết hợp với quán tính giảm điểm của phiên liền trước khiến cho chỉ số lao dốc mạnh trong phiên và phá vỡ ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1200 điểm. Với xu hướng giảm điểm đang đóng vai trò chủ đạo trong ngắn hạn, VNIndex đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1160 và sâu hơn là 1130.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1308 - 1310

Kháng cự gần: 1287 - 1292

Hỗ trợ gần: 1200 - 1204

Hỗ trợ xa: 1180 - 1185

- F1 tăng điểm giảm cơ trong phiên trước khi đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng kết hợp với quán tính giảm điểm của phiên liền trước khiến cho chỉ số trải qua một nhịp lao dốc mạnh và phá vỡ ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1230. Với xu hướng giảm điểm đang đóng vai trò chủ đạo trong ngắn hạn, F1 đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1200 và sâu hơn là 1180.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

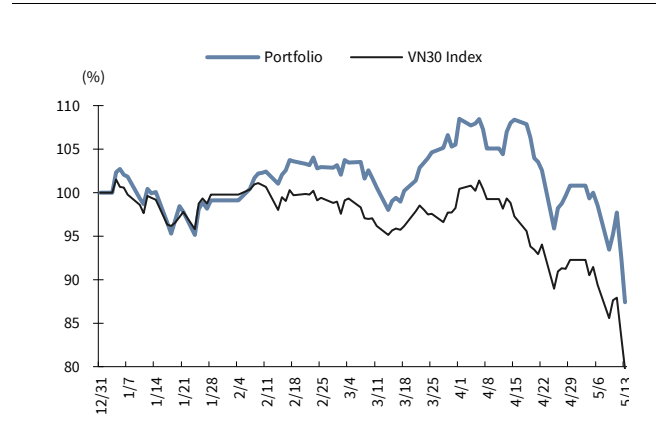
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.38%	-5.47%
Tăng lũy kế (YTD)	-20.31%	-12.60%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	125,100	-6.9%	61.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	49,500	-7.0%	-17.9%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	97,500	-3.6%	27.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	170,000	-5.6%	-11.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,000	-6.9%	138.2%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,600	-2.1%	221.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,900	-4.4%	26.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	100,000	-5.3%	36.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	35,900	-6.1%	148.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	36,300	-6.9%	165.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-2.3%	97.8%	587.9
VNM	-0.6%	54.4%	89.8
CTG	-4.4%	25.9%	69.2
VRE	-6.0%	31.0%	56.1
DGC	-7.0%	14.8%	49.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-6.1%	21.7%	-316.7
STB	-6.8%	21.1%	-125.1
VCB	-5.2%	23.6%	-76.4
KBC	-6.9%	18.6%	-42.5
VHM	-1.3%	23.4%	-129.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.7%	9.0%	10.1
PVI	-2.1%	58.1%	9.4
TNG	-10.0%	1.7%	4.5
VCS	-5.6%	3.3%	0.9
BVS	-9.6%	8.8%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-6.6%	8.2%	-27.6
DP3	-2.4%	2.2%	-1.3
THD	-9.6%	1.5%	-0.8
GKM	-1.0%	0.1%	-0.5
PLC	-10.0%	1.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.1%	PNC, YEG
Bất động sản	-6.2%	FIR, TIX
Y tế	-7.2%	SPM, DBT
Du lịch và Giải trí	-7.3%	VNS, RIC
Công nghệ thông tin	-7.4%	ST8, ICT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-19.6%	GVR, DGC
Bảo hiểm	-19.1%	BVH, MIG
Dầu khí	-17.8%	PLX, PVD
Bán lẻ	-16.0%	MWG, FRT
Xây dựng và Vật Liệu	-14.6%	VGC, VCG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-11.6%	FIR, CRV
Y tế	-12.2%	VDP, SPM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13.6%	CHP, TMP
Du lịch và Giải trí	-14.3%	VNS, DSN
Thực phẩm và đồ uống	-16.2%	VCF, ABT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-35.3%	GVR, DGC
Dịch vụ tài chính	-32.9%	VND, SSI
Dầu khí	-32.2%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-29.5%	VGC, VCG
Bán lẻ	-24.9%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	179,747 (7.8)	22.5	71.6	38.3	14.7	4.4	7.3	2.9	2.7	-1.3	-2.3	-5.1	-18.0	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	347,092 (15.1)	26.6	8.6	7.1	35.9	23.7	22.9	1.9	1.5	-1.3	-1.0	-7.0	-17.1	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	127,588 (5.6)	17.8	23.7	15.7	-7.6	8.2	11.1	1.8	1.7	-5.9	-	14.5	20.6	-15.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	290,645 (12.7)	31.3	25.3	16.9	6.7	15.6	18.8	3.5	2.8	-0.4	-7.2	-	13.3	-17.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	56,882 (2.5)	11.6	18.1	14.5	13.7	13.7	14.4	2.1	1.8	-7.0	-	14.8	22.3	-22.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	308,088 (13.4)	13.9	11.1	5.8	-	15.1	12.4	1.3	1.5	-6.9	-	17.5	32.5	-23.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	105,367 (4.6)	6.3	13.3	10.8	11.7	20.9	21.7	2.6	2.1	-5.2	-8.1	-	11.4	-7.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	70,807 (3.1)	12.7	11.6	8.5	-5.3	17.4	20.1	1.7	1.4	-5.4	-	14.1	22.2	-14.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	374,837 (16.3)	0.0	5.5	4.5	14.3	21.0	20.6	1.0	0.9	-6.9	-	18.6	29.6	-32.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	139,510 (6.1)	1.4	5.8	4.9	50.3	20.1	20.9	1.0	0.9	-4.4	-	11.5	24.1	-29.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	691,777 (30.1)	0.0	8.3	7.0	18.8	17.3	17.1	1.3	1.1	-6.8	-	15.1	25.6	-19.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	332,446 (14.5)	0.0	5.9	4.8	14.6	24.1	23.4	1.2	1.0	-6.0	-	13.9	26.1	-16.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	83,003 (3.6)	4.2	6.2	5.1	23.3	22.4	21.9	1.2	1.0	-3.3	-7.7	-	20.7	-28.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	347,189 (15.1)	14.0	8.9	5.2	26.5	13.9	17.8	1.0	0.9	-6.8	-	19.8	34.8	-35.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	119,852 (5.2)	0.0	7.1	5.7	37.4	23.0	22.6	1.5	1.2	-5.1	-	10.7	25.0	-26.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,474 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.9	-	5.7	-8.2	-7.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	149,411 (6.5)	21.0	17.0	14.6	15.8	10.2	11.1	1.7	1.5	-7.0	-	20.5	19.9	-9.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	21,737 (0.9)	14.2	28.7	13.0	9.1	11.6	13.5	3.1	1.5	-6.9	-	18.9	24.7	-31.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	369,595 (16.1)	55.4	11.5	10.9	-3.2	18.9	15.2	-	-	0.0	-	10.6	39.4	-50.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	107,820 (4.7)	71.9	-	-	-4.0	27.1	-	-	-	-7.0	-	19.2	44.4	-58.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	95,953 (4.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.4	-	15.0	39.1	-56.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	379,638 (16.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.8	-	18.7	37.8	-34.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	178,742 (7.8)	42.1	14.7	13.4	4.0	28.8	31.1	4.0	3.7	-0.6	-5.8	-	14.4	-23.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	41,226 (1.8)	36.9	24.4	20.1	7.3	19.3	21.5	4.4	4.0	-1.3	-2.9	-0.5	7.7	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	132,617 (5.8)	16.5	26.5	18.8	-51.9	14.5	19.7	3.7	3.1	-6.9	-	17.2	23.6	-32.0
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	58,030 (2.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-	16.3	38.8	-52.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	84,210 (3.7)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	0.9	-1.6	-8.8	-1.9	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	161,701 (7.0)	10.8	21.0	18.4	-57.0	12.2	13.7	2.4	2.3	-7.0	-7.3	-6.6	9.9	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	140,821 (6.1)	38.4	6.5	8.5	65.7	14.1	9.3	0.9	0.9	-6.6	-	10.7	36.6	-60.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	62,755 (2.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.8	-7.4	-	11.7	-66.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	417,326 (18.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-7.0	-	22.4	43.1	-49.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	61,709 (2.7)	3.6	9.1	6.8	-52.4	4.2	5.4	0.4	0.4	-6.9	-	19.7	43.6	-60.8
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	93,574 (4.1)	0.0	12.7	10.5	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.5	-6.9	-5.8	-0.1	17.2	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	81,529 (3.6)	46.1	16.3	14.9	-17.5	20.7	19.6	3.4	3.2	-5.3	-8.9	-9.2	4.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,361 (1.1)	31.4	9.6	8.5	-10.5	15.7	16.1	1.3	1.2	-4.3	10.5	12.2	-23.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,522 (0.1)	34.1	13.1	8.6	-5.1	9.8	16.2	1.1	1.1	-1.7	-7.2	18.5	-27.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	781,986 (34.0)	18.0	5.4	5.3	21.9	29.7	23.4	1.3	1.1	-6.1	14.1	20.6	-22.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	413,584 (18.0)	36.5	5.2	10.8	-0.5	31.6	15.2	1.5	1.4	-7.0	22.3	27.2	-1.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	222,625 (9.7)	46.5	6.1	9.0	-4.5	29.9	17.6	1.6	1.4	-7.0	21.6	31.3	-23.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	212,242 (9.2)	38.9	3.4	3.9	67.9	24.0	19.9	0.8	0.7	-6.8	18.3	35.8	-43.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	59,827 (2.6)	97.2	10.5	9.4	17.2	7.0	7.6	0.7	0.7	-6.9	16.3	37.9	-46.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	71,382 (3.1)	4.6	13.7	10.9	-51.0	14.1	15.9	1.4	1.4	-3.2	18.4	31.7	-30.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	154,914 (6.7)	39.9	20.7	9.7	-11.9	3.3	5.9	0.6	0.6	-6.8	13.6	33.6	-33.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	74,752 (3.3)	35.9	6.2	5.3	2.2	16.5	16.4	0.9	0.7	-6.2	14.0	29.7	-31.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	339,413 (14.8)	0.0	14.0	11.6	14.4	27.6	27.2	3.7	3.1	-6.9	14.7	19.9	-7.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	119,173 (5.2)	0.0	15.7	12.5	2.4	22.4	22.0	2.9	2.4	-3.6	-8.5	15.9	1.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,803 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.4	-5.9	28.5	-37.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	167,129 (7.3)	30.3	13.5	11.2	-75.2	30.5	28.4	3.8	2.9	-7.0	23.0	29.5	9.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	76,000 (3.3)	34.6	7.3	8.3	41.2	35.0	25.3	2.1	1.8	-7.0	17.0	32.5	-23.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,105 (0.1)	45.4	15.6	14.4	10.7	20.1	19.9	2.9	2.6	-2.6	-6.7	-8.6	-16.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	365,690 (15.9)	0.0	16.9	13.5	15.5	26.8	28.5	4.1	3.5	-2.1	-6.6	18.7	0.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.